

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân.

Đợt 16: Bồi thường, hỗ trợ của 42 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 994/TTr-BQLGT ngày 16/5/2022 và Biên bản cuộc họp ngày 29/4/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho 42 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 42 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để thi công dự án và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **663.919.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm mười chín ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	650.901.000	đồng;
+ Bồi thường cây cối hoa màu:	86.626.000	đồng;
+ Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất:	519.767.000	đồng;
+ Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân:	44.508.000	đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	13.018.000	đồng;

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

(Kèm theo Phụ lục và Phương án chi tiết theo Văn bản số 994/TTr-BQLGT ngày 16/5/2022 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

Điều 2. Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ MƯỢN TẠM ĐẤT ĐỂ PHỤC VỤ THI CÔNG
Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân
Đợt 16: Đất nông nghiệp và cây trồng của 42 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Sơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
1	Bùi Văn Ngọc (chết), con ĐDKK Bùi Văn Thanh	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	716	362,7	244,4	118,3	2.843.000	17.059.000	1.461.000	21.363.000
			15	240	1.221,7	387,4	834,3				
2	Bùi Văn Phụng, vợ Võ Thị Tuyết Nhung	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	143	916,8	245,1	671,7	1.103.000	6.618.000	567.000	8.288.000
3	Đình Thị Chính, con ĐDKK Trần Xuân Vĩnh	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	717	428,4	198,2	230,2	892.000	5.351.000	458.000	6.701.000
4	Hồ Thị Thanh Nga	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	804	2.512,2	1.147,8	1.364,4	5.165.000	30.991.000	2.654.000	38.810.000
5	Huỳnh Thị Lang, con ĐDKK Lê Văn Hôn	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	805	521,5	470,9	50,6	2.119.000	12.714.000	1.089.000	15.922.000
6	Huỳnh Văn Cư, Vương Thị Hào	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	49	1.029,2	3,5	1.025,7	16.000	95.000	8.000	119.000
7	Lê Ngọc Anh	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	110	1.884,9	28,9	1.856,0	130.000	780.000	67.000	977.000
8	Lê Thị Đên (chết), con ĐDKK Nguyễn Thị Ba	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	55	1.489,0	1.019,8	469,2	4.589.000	27.535.000	2.358.000	34.482.000
9	Lê Văn Bình, Đặng Thị Sơn	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	715	193,8	60,9	132,9	274.000	1.644.000	141.000	2.059.000
10	Mai Xuân Tân, Trần Thị Ngọc Phượng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	411	1.267,5	741,8	525,7	3.338.000	20.029.000	1.715.000	25.082.000

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
11	Nguyễn Lương, vợ Huỳnh Thị Ái	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	711	254,0	128,3	125,7	577.000	3.464.000	297.000	4.338.000
12	Nguyễn Ngọc Bích (chết), Nguyễn Thị Kim Hoa	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	138	822,9	653,2	169,7	2.939.000	17.636.000	1.510.000	22.085.000
13	Nguyễn Thị Đinh, con ĐDKK Nguyễn Thị Nở	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	769	928,0	318,5	609,5	2.207.000	13.241.000	1.134.000	16.582.000
			15	109	941,6	171,9	769,7				
14	Phạm Tuấn	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	770	996,2	109,5	886,7	493.000	2.957.000	253.000	3.703.000
15	Phan Thị Lệ (chết), con ĐDKK Trần Thị Sáu	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	718	400,8	22,4	378,4	101.000	605.000	52.000	758.000
16	Tô Thành Hiến	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	519	887,2	294,1	593,1	1.323.000	7.941.000	680.000	9.944.000
17	Trần Đường Quang, vợ Nguyễn Thị Nữ	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	828	192,3	5,3	187,0	24.000	143.000	12.000	179.000
18	Trương Bá Đức (chết), vợ Đỗ Thị Nguyên, con ĐDKK Trương Hữu Đàng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	710	438,1	312,2	125,9	1.405.000	8.429.000	722.000	10.556.000
19	Từ Văn Bảo, Nguyễn Thị Hoa	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	66	586,8	535,6	51,2	2.410.000	14.461.000	1.238.000	18.109.000
20	Võ Thị Luân, con dâu ĐDKK Trần Thị Ánh Nguyệt	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	315	3.877,8	1.414,4	2.463,4	6.365.000	38.189.000	3.270.000	47.824.000
21	Bùi Văn Bội (chết), Nguyễn Thị Xuân	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	329	1.420,2	668,3	751,9	3.007.000	18.044.000	1.545.000	22.596.000
22	Đinh Thị Giác (chết), con Nguyễn Mạnh Cường	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	51	1.032,8	241,4	791,4	1.086.000	6.518.000	558.000	8.162.000
23	Đinh Văn Niên, Hà Thị Loan	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	50	857,6	211,3	646,3	951.000	5.705.000	489.000	7.145.000
24	Huỳnh Phi Hùng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	529	991,2	258,7	732,5	1.164.000	6.985.000	598.000	8.747.000

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
25	Huỳnh Thị Đặng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	530	999,6	330,7	668,9	1.488.000	8.929.000	765.000	11.182.000
26	Trần Thị Cúc, con dâu ĐDKK Hà Thị Bích Đào	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	142	1.467,5	924,4	543,1	4.160.000	24.959.000	2.137.000	31.256.000
27	Trần Văn Dur, Phạm Thị Lệ Thu	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	296	525,6	369,1	156,5	7.241.000	43.446.000	3.720.000	54.407.000
			15	297	2.412,2	969,0	1.443,2				
			15	518	468,5	271,0	197,5				
28	Trương Hữu Niên, Mai Thị Bảy	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	806	500,9	350,5	150,4	1.577.000	9.464.000	810.000	11.851.000
29	Nguyễn Văn Bốn, Huỳnh Thị Phi	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	1020	519,9	352,6	167,3	1.587.000	9.520.000	815.000	11.922.000
30	Đình Thanh phong (chết), vợ Lương Thị Sáu, con Đình Thanh Trường ĐDKK	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	139	2.150,1	1.238,1	912,0	5.983.000	35.897.000	3.074.000	44.954.000
			15	210	2.030,7	91,4	1.939,3				
31	Đình Thị Mái, con ĐDKK Nguyễn Thị Mỹ Tình	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	211	945,1	543,0	402,1	4.264.000	25.583.000	2.191.000	32.038.000
			15	295	719,5	404,5	315,0				
32	Hồ Xuân Bình, vợ Nguyễn Thị Hồng Thọ	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	395	847,5	56,7	790,8	255.000	1.531.000	131.000	1.917.000
33	Trần Thị Tám, chồng Lê Đức Trọng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	298	954,5	83,3	871,2	1.691.000	10.147.000	869.000	12.707.000
			15	413	1.362,7	292,5	1.070,2				
34	Nguyễn Thị Bốn, con ĐDKK Trương Văn Hà	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	316	1.002,9	36,7	966,2	165.000	991.000	85.000	1.241.000
35	Nguyễn Thị Lệ	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	1023	719,9	127,8	592,1	575.000	3.451.000	295.000	4.321.000
36	Nguyễn Thị Thiệp, con ĐDKK Nguyễn Hữu Hoàng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	52	1.372,1	112,2	1.259,9	505.000	3.029.000	259.000	3.793.000
37	Nguyễn Văn Bốn (1966)	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	54	1.493,1	658,3	834,8	2.962.000	17.774.000	1.522.000	22.258.000

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Tờ bản đồ số	Thửa số	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích mượn tạm (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
								Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất	Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân	
38	Trần Công Đáo, Phan Thị Nông	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	532	2.077,1	143,1	1.934,0	644.000	3.864.000	331.000	4.839.000
39	Trần Xuân Đạo (chết), Nguyễn Thị Hương (chết), con ĐDKK Trần Thị Gái	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	807	1.066,5	391,2	675,3	1.760.000	10.562.000	904.000	13.226.000
40	Trương Đình Quý, Hồ Thị Tới	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	8	808	2.723,5	567,1	2.156,4	2.552.000	15.312.000	1.311.000	19.175.000
41	Hồ Cao Minh, Trương Thị Nga	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	294	2.278,6	402,6	1.876,0	1.812.000	10.870.000	931.000	13.613.000
42	Tô Văn Thuận, Đào Thị Phượng	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	15	141	1.892,4	640,9	1.251,5	2.884.000	17.304.000	1.482.000	21.670.000
I	Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1 + 2 + + 42)				56.985,6	19.250,5	37.735,1	86.626.000	519.767.000	44.508.000	650.901.000
II	Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%)										13.018.000
III	Tổng cộng (I+II)										663.919.000